TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ – ST
Ngày: 15/4/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Lê Thị Thanh Vân;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đức Anh – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:* Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 763/2019/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST - HNGĐ ngày 25/3/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hứa Thị Mỹ T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: khóm H, phường M, thành phố LX, An Giang.

(Bà Mỹ T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông Vĩnh T vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 28/11/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Bà Hứa Thị Mỹ T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hứa Thị Mỹ T và ông Nguyễn Vĩnh T tự nguyện kết hôn năm 2014, có đănng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 27/02/2014. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Vĩnh T thường đi chơi, không lo cho vợ con, thường xuyên đánh vợ, hôn nhân giữa ông Vĩnh T và bà Mỹ T không còn hạnh phúc, ông bà và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu nên bà Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Vĩnh T.

- Về quan hệ con chung: Bà Mỹ T và ông Vĩnh T có 01 (một) con chung tên Nguyễn Như Hạnh P, sinh ngày 09/9/2014. Thời gian qua, bà Mỹ T là người trực tiếp nuôi con nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Mỹ T, đồng thời cũng vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Bà Mỹ T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2020 lý do phải đi làm ăn xa nên không về dự tòa được. Ông Vĩnh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Mỹ T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 25/3/2020 lý do phải đi làm ăn xa nên không về dự tòa được. Ông Vĩnh T không có ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Mỹ T và ông Vĩnh T là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Hứa Thị Mỹ T đối với ông Nguyễn Vĩnh T.

Về con chung: Do con chung của bà Mỹ T và ông Vĩnh T là cháu Nguyễn Như Hạnh P, sinh ngày 09/9/2014 đang sống với bà Mỹ T. Để đảm bảo ổn định về tinh thần, đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cháu P, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà Mỹ T.

Về chi phí cấp dưỡng nuôi con: Do bà Mỹ T không có yêu cầu ông Vĩnh T cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mỹ T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung; Bị đơn ông Vĩnh T không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa Bà Hứa Thị Mỹ T và ông Nguyễn Vĩnh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà Mỹ T có đơn đề ngày 25/3/2020 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn xa nên không về dự tòa được. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Mỹ T.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời tiến hành thu thập chứng cứ để xác định tình trạng cư trú của ông Nguyễn Vĩnh T, Công an phường M, thành phố LX cung cấp thông tin: "Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1990. Có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm H, phường M, thành phố LX, An Giang". Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Vĩnh T.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Mỹ T và ông Vĩnh T dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2014, quyển số 01/2014 ngày 27/02/2014 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2015; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà Mỹ T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do ông Vĩnh T thường đi chơi, không lo cho vợ con, thường xuyên đánh vợ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà Mỹ T yêu cầu được ly hôn với ông Vĩnh T.

Xét thấy, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của bà Mỹ T và ông Vĩnh T đã kéo dài một thời gian. Từ khi ly thân, vợ chồng không thường xuyên gặp gở, chăm sóc

lẫn nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Hứa Thị Mỹ T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà Mỹ T và ông Vĩnh T có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Như Hạnh P, sinh ngày 09/9/2014. Từ khi vợ chồng ly thân, bà Mỹ T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển tốt về thể chất, tinh thần cũng như đảm bảo cho việc học hành của cháu P, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Mỹ T, giao con chung thưa thành niên của bà Mỹ T và ông Vĩnh T là cháu Nguyễn Như Hạnh P, sinh ngày 09/9/2014 cho bà Mỹ T tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên do bà Mỹ T không có yêu cầu ông Vĩnh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Mỹ T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Vĩnh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Mỹ T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn ông Vĩnh T cũng không có ý kiến về việc phân chia tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: Bà Mỹ T phải nộp án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn Bà Hứa Thị Mỹ T và bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hứa Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Vĩnh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho Bà Hứa Thị Mỹ T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Như Hạnh P, sinh ngày 09/9/2014.

Ông Vĩnh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Mỹ T không có yêu cầu.

Bà Mỹ T và gia đình phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông Vĩnh T được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Bà Mỹ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005878 ngày 09/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên. Bà Mỹ T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- UBND phường M, TP.Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.